

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2017/HNGĐ-ST
Ngày 14-12-2017
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung giữa chị T và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thu Hương

Bà Tạ Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện
Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vinh Bảo tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vinh Bảo,
thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2017/TLST-
HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm
2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1982. Đăng ký hộ khẩu thường trú:
Thôn LĐ, xã V L, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Trú tại: thôn LT, xã TL, huyện
VB, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Sách T, sinh năm 1967. Trú tại: Thôn LĐ, xã V L,
huyện VB, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 8 năm 2017, bản tự khai và trong
quá trình xét xử nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Trần Sách T
kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V L, huyện VB,

thành phố Hải Phòng vào ngày 20-10-2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng xảy ra xô sát, bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 9 năm 2016 đến nay chị đã đưa con về gia đình ở thôn LT, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Trần Sách T có 01 con chung là Trần Nhật Q, sinh ngày 25-01-2013 hiện nay đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản: Chị xin tự giải quyết với anh Trần Sách T về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Trần Sách T xác nhận mối quan hệ giữa anh và chị Bùi Thị T được xác lập như chị T trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 9 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Từ tháng 9 năm 2016 đến nay chị T đã đưa con chung về gia đình chị ở thôn LT, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị T có 01 con chung là Trần Nhật Q, sinh ngày 25-01-2013, hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị T nuôi con chung, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T.

Về tài sản: Anh xin tự giải quyết với chị Bùi Thị T về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị Bùi Thị T và anh Trần Sách T xác nhận tình nghĩa vợ chồng không còn và cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Về con chung, khi ly hôn anh chị thỏa thuận, chị T nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chị T và anh T xin tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cũng như các hoạt động tố tụng khác. Các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Trần Sách T. Về con chung: Giao con chung Trần Nhật Q, sinh ngày 25-01-2013 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Chị T và anh T xin tự giải quyết về tài sản, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Trần Sách T phải chịu án phí dân sự về mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Bùi Thị T và anh Trần Sách T kết hôn ngày 20-10-2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V L, huyện VB, thành phố Hải Phòng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Từ năm 2016 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi

người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T và anh T nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được và cùng yêu cầu tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu thuận tình ly hôn của chị T và anh T phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Trần Sách T có một con chung là Trần Nhật Q, sinh ngày 25-01-2013. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận: chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét sự thỏa thuận tự nguyện của anh chị về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là tự nguyện, phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình được chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy anh Trần Sách T hiện đang làm việc tại Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần Hải Phòng, địa chỉ: thôn Đan Điền, xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, thu nhập trung bình hàng tháng của anh T hiện tại bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp khác là 4.283.100đ (Bốn triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn một trăm đồng). Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của chị T hàng tháng anh buộc anh Trần Sách T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Khoản cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 12 năm 2017 là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị Bùi Thị T và anh Trần Sách T xin tự giải quyết về tài sản, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), anh Trần Sách T phải chịu án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Trần Sách T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Nhật Q, sinh ngày 25-01-2013 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Sách T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án

3. Về tài sản: Chị Bùi Thị T và anh Trần Sách T xin tự giải quyết về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015780 ngày 16-10-2017. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Trần Sách T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án dân sự
huyện Vĩnh Bảo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- UBND xã VL
huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền